

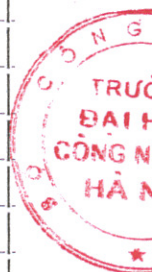
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Trang : 1

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
1	DCN.H01.1	Hà Đức Bình	10/05/84		Thanh Hoá Huyện Thọ Xuân	57,00	7,50	5,50	13,00		TT
2	DCN.H01.2	Nguyễn Tiến Hưng	11/01/84		Phú Thọ Huyện Phù Ninh	59,00	7,25	5,00	12,25		TT
3	DCN.H01.3	Nguyễn Xuân Luân	18/10/89		Phú Thọ Huyện Lâm Thao	63,00	6,50	5,25	11,75		TT
4	DCN.H01.4	Phạm Đình Nhã	01/10/76		Hà Nội Quận Đống Đa	63,00	5,00	5,25	10,25		TT
5	DCN.H01.5	Lê Hoài Sơn	16/02/90		Quảng Ninh Huyện Hải Hà	69,00	5,00	5,00	10,00		TT
6	DCN.H01.6	Nguyễn Việt Thao	20/08/82		Bắc Giang Huyện Tân Yên	69,00	5,00	5,75	10,75		TT
7	DCN.H03.8	Nguyễn Văn Đám	20/08/79		Hà Nội Quận Đống Đa	53,00	5,00	7,50	12,50		TT
8	DCN.H03.9	Trần Văn Hường	23/09/90		Ninh Bình Huyện Kim Sơn	60,00	5,50	7,50	13,00		TT
9	DCN.H03.11	Vũ Ngọc Quỳnh	25/05/88		Hải Dương Huyện Ninh Giang	62,00	5,00	6,75	11,75		TT
10	DCN.H03.12	Nguyễn Tiến Sơn	25/07/89		Hà Nội Huyện Mỹ Đức	61,00	5,50	7,00	12,50		TT
11	DCN.H03.13	Nguyễn Hữu Thắng	21/10/89		Hà Nội Huyện Phúc Thọ	54,00	5,50	6,50	12,00		TT
12	DCN.H03.14	Đào Quyết Thắng	05/10/77		Yên Bái Thành phố Yên Bái	50,00	5,00	7,75	12,75		TT
13	DCN.H03.15	Lương Duyên Thống	02/02/69		Hà Nội Quận Ba Đình	54,00	5,00	6,75	11,75		TT
14	DCN.H03.16	Nguyễn Đức Thủy	29/08/90		Yên Bái Thành phố Yên Bái	50,00	5,00	7,25	12,25		TT
15	DCN.H05.17	Nguyễn Văn Dũng	26/02/85		Vĩnh Phúc Huyện Vĩnh Tường	52,00	9,00	8,75	17,75		TT
16	DCN.H05.18	Nguyễn Đình Long	04/07/91		Hà Nội Huyện Thanh Oai	52,00	7,50	8,00	15,50		TT
17	DCN.H05.19	Nguyễn Đức Mạnh	30/11/89		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	0,00	5,25	7,50	12,75	Miễn NN	TT
18	DCN.H05.20	Nguyễn Văn Phương	25/12/92		Hà Nội Huyện ứng Hoà	52,00	6,50	7,25	13,75		TT
19	DCN.H05.21	Ngô Ngọc Thành	28/03/79		Hà Nội Thị xã Sơn Tây	52,00	6,50	7,25	13,75		TT
20	DCN.H05.22	Đào Minh Thành	13/07/91		Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	0,00	7,25	7,25	14,50	Miễn NN	TT
21	DCN.H05.23	Tạ Ngọc Thắng	01/08/90		Hà Nội Huyện Sóc Sơn	56,00	8,25	8,50	16,75		TT
22	DCN.H05.24	Lê Mạnh Toàn	30/09/85		Thanh Hoá Huyện Thạch Thành	68,00	8,50	9,00	17,50		TT
23	DCN.H05.25	Nguyễn Ngọc Tuấn	02/01/82		Hà Nội Huyện Thanh Trì	65,00	8,25	8,25	16,50		TT
24	DCN.H05.26	Nguyễn Duy Việt	22/02/85		Ninh Bình Huyện Yên Khánh	57,00	6,75	7,25	14,00		TT
25	DCN.H05.27	Khuất Duy Việt	11/03/76		Hà Nội Huyện Phúc Thọ	51,00	6,50	7,50	14,00		TT



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Trang : 2

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
26	DCN.H07.29	Nguyễn Thị Bích	30/11/84	Nữ	Hà Nội Huyện Đan Phượng	70,00	9,50	6,75	16,25		TT
27	DCN.H07.30	Đặng Khánh Chi	29/06/86	Nữ	Quảng Ninh Thành phố Cẩm Phả	56,00	8,25	6,50	14,75		TT
28	DCN.H07.32	Quách Thị Thanh Dung	14/05/92	Nữ	Hà Nội Huyện Đan Phượng	72,00	9,00	8,25	17,25		TT
29	DCN.H07.33	Nguyễn Thị Dương	05/12/92	Nữ	Hà Nội Huyện Phú Xuyên	69,00	9,50	8,75	18,25		TT
30	DCN.H07.34	Nguyễn Quang Dương	20/04/79		Hà Nội Quận Hai Bà Trưng	60,00	6,50	8,75	15,25		TT
31	DCN.H07.35	Vũ Thị Duyệt	09/03/87	Nữ	Ninh Bình Huyện Gia Viễn	59,00	7,00	8,75	15,75		TT
32	DCN.H07.37	Nguyễn Hương Giang	01/12/83	Nữ	Hà Nội Huyện Đan Phượng	65,00	7,50	6,25	13,75		TT
33	DCN.H07.38	Đinh Thị Việt Hà	08/11/87	Nữ	Hà Nội Huyện ứng Hoà	64,00	8,00	5,50	13,50		TT
34	DCN.H07.39	Nguyễn Thanh Hà	13/07/89		Phú Thọ Huyện Phù Ninh	55,00	7,50	6,00	13,50		TT
35	DCN.H07.41	Vũ Thị Hảo	15/07/90	Nữ	Bắc Ninh Huyện Lương Tài	59,00	7,75	5,75	13,50		TT
36	DCN.H07.42	Đỗ Thị Hạnh	07/05/91	Nữ	Thanh Hoá Huyện Thọ Xuân	0,00	9,00	6,50	15,50	Miễn NN	TT
37	DCN.H07.43	Nguyễn Bích Hạnh	08/06/87	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	56,00	8,50	5,75	14,25		TT
38	DCN.H07.44	Mai Thị Mỹ Hạnh	28/05/86	Nữ	Hà Nội Quận Thanh Xuân	57,00	8,00	7,00	15,00		TT
39	DCN.H07.45	Lê Thị Hiền	13/09/90	Nữ	Thanh Hoá Huyện Đông Sơn	74,00	8,50	7,25	15,75		TT
40	DCN.H07.46	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21/04/87	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	78,00	7,00	7,25	14,25		TT
41	DCN.H07.47	Nguyễn Hải Hòa	15/09/82		Hà Nội Huyện Đan Phượng	64,00	6,50	5,25	11,75		TT
42	DCN.H07.48	Ngô Thị Hồng	07/05/81	Nữ	Hà Nội Huyện Hoài Đức	51,00	5,00	5,50	10,50		TT
43	DCN.H07.49	Đào Thị Hồng	11/04/90	Nữ	Hà Nội Huyện Đan Phượng	67,00	6,50	5,00	11,50		TT
44	DCN.H07.51	Trần Thị Huệ	08/01/91	Nữ	Nam Định Huyện Mỹ Lộc	74,00	7,25	5,75	13,00		TT
45	DCN.H07.52	Thái Thị Huệ	19/09/87	Nữ	Hà Nội Huyện ứng Hoà	74,00	7,50	7,00	14,50		TT
46	DCN.H07.53	Trần Thị Kiều Huệ	02/11/85	Nữ	Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	62,00	5,50	7,25	12,75		TT
47	DCN.H07.54	Đặng Đình Huyền	30/10/73		Hà Nội Huyện Ba Vì	55,00	6,50	6,00	12,50		TT
48	DCN.H07.55	Viên Thúy Huyền	16/11/88	Nữ	Vĩnh Phúc Thị xã Phúc Yên	62,00	5,00	8,25	13,25		TT
49	DCN.H07.56	Phí Thị Thu Huyền	01/10/89	Nữ	Hà Nội Huyện Thạch Thất	70,00	6,50	5,00	11,50		TT
50	DCN.H07.57	Nguyễn Ngọc Huyền	23/03/83		Hà Nội Huyện ứng Hoà	68,00	8,00	7,50	15,50		TT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Trang : 3

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
51	DCN.H07.58	Nguyễn Thị Huyền	18/12/86	Nữ	Hà Nội Quận Hoàng Mai	76,00	8,75	6,50	15,25		TT
52	DCN.H07.59	Nguyễn Ngọc Hùng	03/06/91		Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	73,00	8,75	7,00	15,75		TT
53	DCN.H07.60	Nguyễn Minh Hùng	26/11/86		Thanh Hoá Thành phố Thanh Hoá	91,00	8,75	6,00	14,75	ƯTKV	TT
54	DCN.H07.61	Nguyễn Lan Hương	03/09/90	Nữ	Hà Nội Quận Đống Đa	80,00	5,50	7,50	13,00		TT
55	DCN.H07.64	Bùi Thị Thu Hường	23/06/77	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	67,00	5,75	6,25	12,00		TT
56	DCN.H07.65	Trương Quốc Khánh	02/09/77		Hà Nội Huyện Thanh Oai	71,00	8,00	5,00	13,00		TT
57	DCN.H07.66	Nguyễn Minh Khôi	19/04/90		Hải Phòng Quận Đồ Sơn	67,00	5,50	6,00	11,50		TT
58	DCN.H07.67	Vũ Thị Lan	12/07/83	Nữ	Hà Nội Quận Hoàn Kiếm	66,00	9,00	7,25	16,25		TT
59	DCN.H07.68	Đoàn Thị Kim Liên	09/12/92	Nữ	Quảng Ninh Thành phố Hạ Long	64,00	7,00	6,50	13,50		TT
60	DCN.H07.69	Trần Thùy Linh	14/12/79	Nữ	Bắc Ninh Thành phố Bắc Ninh	51,00	5,25	5,00	10,25		TT
61	DCN.H07.75	Nguyễn Thị Trà My	01/03/90	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	79,00	7,25	6,50	13,75		TT
62	DCN.H07.76	Bùi Duy Nam	06/10/91		Hà Nội Huyện Hoài Đức	85,00	9,25	6,50	15,75		TT
63	DCN.H07.77	Nguyễn Thị Thanh Nga	09/10/84	Nữ	Hà Nội Huyện Đan Phượng	65,00	5,00	5,00	10,00		TT
64	DCN.H07.78	Bùi Thị Bích Ngọc	20/06/82	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	59,00	5,00	5,00	10,00		TT
65	DCN.H07.79	Ngô Thị Hồng Nhi	03/12/89	Nữ	Nghệ An Huyện Diễn Châu	68,00	6,00	7,50	13,50		TT
66	DCN.H07.80	Nguyễn Thị Trang Nhung	23/06/84	Nữ	Hà Nội Thị xã Sơn Tây	71,00	8,50	5,25	13,75		TT
67	DCN.H07.81	Nguyễn Hương Phú	03/12/89	Nữ	Quảng Ninh Huyện Đông Triều	53,00	6,50	5,00	11,50		TT
68	DCN.H07.85	Đường Thị Tâm	25/02/90	Nữ	Nghệ An Huyện Quỳnh Lưu	78,00	6,75	5,00	11,75		TT
69	DCN.H07.86	Đặng Thị Tâm	08/05/83	Nữ	Hà Nội Quận Cầu Giấy	83,00	6,25	7,50	13,75		TT
70	DCN.H07.87	Nguyễn Thị Thanh	17/04/83	Nữ	Hà Nội Huyện Hoài Đức	55,00	5,25	5,25	10,50		TT
71	DCN.H07.89	Đỗ Thị Phương Thảo	13/12/81	Nữ	Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	63,00	5,00	6,00	11,00		TT
72	DCN.H07.90	Vũ Thị Thắm	28/11/89	Nữ	Nam Định Huyện Vụ Bản	51,00	6,50	6,75	13,25		TT
73	DCN.H07.91	Trần Thị Thơm	30/08/87	Nữ	Nam Định Thành phố Nam Định	55,00	6,50	6,50	13,00		TT
74	DCN.H07.97	Nguyễn Thị Tỏa	28/09/89	Nữ	Hà Nội Huyện Phúc Thọ	61,00	5,00	6,75	11,75		TT
75	DCN.H07.101	Lê Quang Trung	23/05/81		Hà Nội Huyện Thanh Trì	54,00	5,25	5,25	10,50		TT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Trang : 4

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
76	DCN.H07.102	Đoàn Thế Trường	16/11/91		Nam Định Huyện Nghĩa Hưng	54,00	6,50	5,00	11,50		TT
77	DCN.H07.104	Nguyễn Mạnh Tuấn	01/02/91		Phú Thọ Huyện Đoan Hùng	57,00	7,25	5,75	13,00		TT
78	DCN.H07.105	Phạm Anh Tuấn	06/10/89		Hà NộiQuận Đống Đa	59,00	8,50	5,50	14,00		TT
79	DCN.H09.127	Nguyễn Tuấn Anh	07/04/87		Thái BìnhHuyện Quỳnh Phụ	0,00	7,50	5,75	13,25	Miễn NN	TT
80	DCN.H09.128	Hoàng Kiều Anh	03/11/92	Nữ	Lào CaiThành phố Lào Cai	57,00	6,25	7,50	13,75		TT
81	DCN.H09.129	Mai Ngọc Anh	30/01/84	Nữ	Hà NộiQuận Cầu Giấy	53,00	6,00	8,25	14,25		TT
82	DCN.H09.130	Nguyễn Tuấn Anh	22/04/84		Hà NộiHuyện Hoài Đức	73,00	7,25	7,50	14,75		TT
83	DCN.H09.131	Phạm Thị Thúy Anh	30/09/91	Nữ	Quảng NinhThành phố Uông Bí	76,00	7,75	9,00	16,75		TT
84	DCN.H09.132	Trần Văn Anh	03/10/79	Nữ	Hà NộiQuận Bắc Từ Liêm	0,00	7,50	8,75	16,25	Miễn NN	TT
85	DCN.H09.133	Vũ Tuấn Anh	13/05/85		Hà NộiQuận Thanh Xuân	70,00	7,25	7,75	15,00		TT
86	DCN.H09.134	Ngô Thanh Bình	10/12/88		Hà NộiQuận Nam Từ Liêm	67,00	8,50	8,00	16,50		TT
87	DCN.H09.138	Vũ Thùy Dương	09/01/87	Nữ	Hà NộiQuận Hoàn Kiếm	52,00	7,00	5,50	12,50		TT
88	DCN.H09.139	Nguyễn Thế Đại	27/07/81		Hà NộiHuyện Hoài Đức	66,00	6,50	7,00	13,50		TT
89	DCN.H09.144	Vũ Thị Thu Hà	19/11/80	Nữ	Hà NộiQuận Hai Bà Trưng	0,00	6,00	7,25	13,25	Miễn NN	TT
90	DCN.H09.145	Trần Hồng Hải	26/01/82		Hà NộiQuận Bắc Từ Liêm	52,00	6,75	7,25	14,00		TT
91	DCN.H09.146	Trần Xuân Hải	02/03/91		Hà NộiHuyện Phúc Thọ	68,00	7,00	8,75	15,75		TT
92	DCN.H09.148	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13/04/83	Nữ	Hà NộiQuận Bắc Từ Liêm	65,00	7,25	8,50	15,75		TT
93	DCN.H09.149	Đoàn Thị Hậu	10/12/90	Nữ	Bắc GiangHuyện Tân Yên	75,00	7,50	7,00	14,50		TT
94	DCN.H09.150	Phạm Thu Hằng	28/10/83	Nữ	Hà NộiQuận Thanh Xuân	75,00	7,00	5,50	12,50		TT
95	DCN.H09.153	Nguyễn Thị Minh Hiền	21/04/90	Nữ	Quảng NinhThành phố Hạ Long	58,00	7,50	9,00	16,50		TT
96	DCN.H09.155	Đoàn Văn Hoan	18/01/85		Bắc GiangHuyện Lạng Giang	72,00	6,50	7,75	14,25		TT
97	DCN.H09.156	Lâm Thị Hối	10/09/82	Nữ	Hà NộiQuận Bắc Từ Liêm	87,00	7,00	6,25	13,25		TT
98	DCN.H09.157	Nguyễn Quang Huy	12/03/79		Hà NộiQuận Nam Từ Liêm	52,00	6,75	6,50	13,25		TT
99	DCN.H09.158	Nguyễn Đức Huy	26/02/91		Hà NộiQuận Đống Đa	55,00	7,00	7,25	14,25		TT
100	DCN.H09.161	Trần Quang Hưng	15/05/82		Thanh HoáThành phố Thanh Hoá	57,00	7,25	7,25	14,50		TT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Trang : 5

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
101	DCN.H09.162	Vũ Mạnh Hưng	25/03/89		Quảng Ninh Huyện Vân Đồn	78,00	7,75	5,50	13,25	ƯTKV	TT
102	DCN.H09.164	Trần Ngọc Hưng	29/09/76		Hà Nội Quận Hoàng Mai	68,00	7,00	6,75	13,75		TT
103	DCN.H09.165	Trần Thị Lan Hương	20/08/92	Nữ	Nghệ An Huyện Thanh Chương	76,00	8,50	9,00	17,50		TT
104	DCN.H09.166	Phạm Lan Hương	30/07/86	Nữ	Hà Nội Quận Hoàng Mai	85,00	8,75	6,50	15,25		TT
105	DCN.H09.167	Nguyễn Thị Thùy Hương	23/07/78	Nữ	Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	83,00	8,75	7,50	16,25		TT
106	DCN.H09.168	Lê Thu Hường	25/10/85	Nữ	Hà Nội Huyện Đông Anh	82,00	7,75	7,00	14,75		TT
107	DCN.H09.169	Nguyễn Khắc Khánh	30/11/82		Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	63,00	7,75	6,50	14,25		TT
108	DCN.H09.170	Hoàng Đình Lê	06/09/87		Nam Định Huyện ý Yên	59,00	7,50	6,50	14,00		TT
109	DCN.H09.171	Trần Văn Liên	21/05/82		Thái Bình Huyện Tiền Hải	74,00	8,00	7,50	15,50		TT
110	DCN.H09.172	Đỗ Thị Liễu	06/02/92	Nữ	Hà Nội Huyện Hoài Đức	67,00	7,50	8,25	15,75		TT
111	DCN.H09.177	Nguyễn Thành Nam	28/09/92		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	63,00	7,75	8,50	16,25		TT
112	DCN.H09.178	Phạm Thị Kim Ngân	18/08/84	Nữ	Hà Nội Huyện Hoài Đức	57,00	7,50	6,00	13,50		TT
113	DCN.H09.179	Vũ Phương Ngân	16/03/89	Nữ	Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	0,00	6,75	6,75	13,50	Miễn NN	TT
114	DCN.H09.180	Đậu Hoàng Nguyên	03/12/79		Hà Tĩnh Huyện Kỳ Anh	79,00	7,75	6,25	14,00	ƯTKV	TT
115	DCN.H09.182	Mai Hán Phong	13/06/75		Hà Nội Quận Long Biên	65,00	7,25	7,00	14,25		TT
116	DCN.H09.183	Bùi Hồng Quang	21/07/86		Hà Giang Huyện Vị Xuyên	57,00	7,50	7,50	15,00		TT
117	DCN.H09.185	Nguyễn Hoàng Tâm	19/12/81		Bắc Giang Huyện Hiệp Hoà	52,00	5,75	6,75	12,50		TT
118	DCN.H09.189	Trần Thị Thanh Thảo	29/03/79	Nữ	Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	0,00	7,25	6,25	13,50	Miễn NN	TT
119	DCN.H09.190	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/01/89	Nữ	Hà Nội Huyện Ba Vì	0,00	7,75	8,50	16,25	Miễn NN	TT
120	DCN.H09.192	Vũ Đức Thắng	19/06/77		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	72,00	7,50	7,00	14,50		TT
121	DCN.H09.193	Đặng Thị Thịnh	07/03/86	Nữ	Nghệ An Huyện Quỳnh Lưu	64,00	5,75	7,00	12,75		TT
122	DCN.H09.194	Nguyễn Thị Thúy	11/03/90	Nữ	Quảng Ninh Thành phố Cẩm Phả	57,00	6,25	7,00	13,25		TT
123	DCN.H09.195	Ngô Thanh Thủy	07/10/88	Nữ	Hà Nội Quận Ba Đình	63,00	7,00	8,00	15,00		TT
124	DCN.H09.197	Nguyễn Văn Tiến	05/08/91		Hà Nội Huyện Đông Anh	61,00	6,25	8,00	14,25		TT
125	DCN.H09.198	Nguyễn Phương Tiến	11/09/80		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	58,00	7,50	7,00	14,50		TT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Trang : 6

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
126	DCN.H09.199	Nguyễn Văn Tính	18/12/79		Hà Nội Quận Thanh Xuân	68,00	7,75	7,25	15,00		TT
127	DCN.H09.201	Nguyễn Ngọc Tĩnh	04/02/87		Hà Nội Huyện Đan Phượng	55,00	6,25	6,75	13,00		TT
128	DCN.H09.202	Lưu Văn Toàn	04/02/83		Vĩnh Phúc Huyện Tam Dương	51,00	7,25	5,50	12,75		TT
129	DCN.H09.203	Ngô Thành Trung	20/12/84		Bắc Giang Huyện Hiệp Hoà	53,00	7,75	6,25	14,00		TT
130	DCN.H09.204	Nguyễn Thế Trường	06/08/86		Hà Nội Huyện Đan Phượng	54,00	6,75	5,75	12,50		TT
131	DCN.H09.205	Lưu Thị Tuyết	29/10/83	Nữ	Hà Nội Huyện Mê Linh	52,00	7,25	5,50	12,75		TT
132	DCN.H09.206	Nguyễn Phan Anh Tú	08/05/91		Hà Nội Huyện Hoài Đức	70,00	6,75	8,50	15,25		TT
133	DCN.H09.207	Nguyễn Quang Tùng	11/11/78		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	0,00	6,75	8,25	15,00	Miễn NN	TT
134	DCN.H09.208	Bùi Thị Tư	13/04/79	Nữ	Hà Nội Quận Nam Từ Liêm	0,00	6,50	7,25	13,75	Miễn NN	TT
135	DCN.H09.209	Lưu Thị Vân	24/02/80	Nữ	Hà Nội Quận Hà Đông	59,00	6,75	6,25	13,00		TT
136	DCN.H09.210	Phạm Hồng Yến	15/07/82	Nữ	Hà Nội Quận Ba Đình	84,00	8,75	7,75	16,50		TT
137	DCN.H09.211	Đỗ Hải Yến	09/04/82	Nữ	Hà Nội Quận Hai Bà Trưng	68,00	7,00	5,50	12,50		TT
138	DCN.H12.110	Phạm Thanh Bình	08/07/85		Thái Bình Huyện Thái Thụy	66,00	7,50	5,00	12,50		TT
139	DCN.H12.111	Nguyễn Xuân Dũng	05/11/88		Hải Dương Thành phố Hải Dương	75,00	7,50	6,25	13,75		TT
140	DCN.H12.112	Nguyễn Như Đông	20/08/88		Bắc Ninh Huyện Quế Võ	74,00	6,00	6,00	12,00		TT
141	DCN.H12.113	Trịnh Duy Đức	22/10/92		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	73,00	5,00	5,00	10,00		TT
142	DCN.H12.114	Cao Thị Hương Giang	04/01/88	Nữ	Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	72,00	6,00	5,75	11,75		TT
143	DCN.H12.115	Nguyễn Đức Giáp	20/08/86		Hà Tĩnh Huyện Lộc Hà	67,00	6,50	6,00	12,50		TT
144	DCN.H12.116	Trần Văn Hiệu	15/02/78		Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	66,00	7,00	6,50	13,50		TT
145	DCN.H12.118	Lê Văn Khang	26/07/76		Hà Nội Huyện Thanh Trì	82,00	5,00	6,00	11,00		TT
146	DCN.H12.119	Nguyễn Văn Minh Khôi	16/09/86		Hà Nội Huyện Phúc Thọ	75,00	7,50	7,25	14,75		TT
147	DCN.H12.120	Nguyễn Thị Thúy Lan	28/08/77	Nữ	Hà Nội Quận Bắc Từ Liêm	71,00	6,25	6,50	12,75		TT
148	DCN.H12.121	Nguyễn Thị Liên	08/09/81	Nữ	Hà Nội Huyện Ba Vì	74,00	7,75	6,25	14,00		TT
149	DCN.H12.122	Ngô Thị Nguyên	28/05/90	Nữ	Quảng Ninh Thị Xã Quảng Yên	72,00	5,50	5,00	10,50		TT
150	DCN.H12.123	Luân Thị Thu	30/08/92	Nữ	Lạng Sơn Huyện Lộc Bình	86,00	7,00	6,00	13,00	ƯTKV	TT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2015 - Ngày thi 09-10/5/2015

Kèm theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
151	DCN.H12.124	Đặng Mạnh	Toàn	29/10/90		Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	70,00	5,00	5,00	10,00		TT
152	DCN.H12.126	Đỗ Thế	Văn	16/11/90		Hưng Yên	Huyện Văn Lâm	66,00	5,00	6,00	11,00		TT

Tổng cộng: 152 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Đức Quý